

Bản án số: 33/2019/HS-ST

Ngày 07 - 10 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Ôn
Ông Bùi Văn Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2019/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Bảo D, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1987 tại V B - Lạc Sơn - Hòa Bình. Nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 11/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C (đã chết) và bà Trần Thị N (đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Có 04 tiền án:

- Tại Bản án số 158/2005/HSST, ngày 29/7/2005 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Cướp giật tài sản;

- Tại Bản án số 04/2008/HSST, ngày 13/3/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 16 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Tại Bản án số 71/2010/HSST, ngày 20/01/2010 của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Tại Bản án số 22/2015/HSST, ngày 28/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25/01/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây (cũ) xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 24/2008/HSST, ngày 25/01/2008. Bị cáo đã thi hành xong và thuộc trường hợp đã được xóa án tích).

Bị cáo hiện đang bị giam giữ theo Quyết định thi hành án số 38/2019/QĐ-CA, ngày 04/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đối với Bản án số 16/2019/HSST, ngày 02/8/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chị Bùi Thị T, sinh năm 2000. Trú tại: Xóm T, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989. Trú tại: Phố N, thị trấn V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Ông Bùi Văn T, sinh năm 1969. Trú tại: Xóm T, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Anh Bùi Văn T, sinh năm 2001. Trú tại: Xóm T, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

Anh Bùi Văn H, sinh năm 2000. Trú tại: Xóm T, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/3/2019, Bùi Bảo D bị bắt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại cơ quan điều tra, ngoài hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, Bùi Bảo D còn khai nhận các hành vi trộm cắp tài sản như sau:

Khoảng 15 giờ, ngày 16/3/2019, trên đường đi bộ từ cầu C thuộc xã H, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình ra thị trấn V, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, khi đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Văn M, Bùi Bảo D phát hiện thấy có 01 xe mô tô BKS 17B7-107.xx, nhãn hiệu Honda, loại Wave α , màu đen – trắng – bạc của anh Nguyễn Văn M để ở sân trước cửa quán, có cấm chìa khóa ở ổ khóa. Bùi Bảo D nảy sinh ý định trộm cắp nên quan sát thấy không có người trông coi, D lén lút đi vào đất trộm chiếc xe mô tô trên, nổ máy điều khiển đi ra theo hướng QL 12B. Khi điều khiển xe đến khu vực Ngã Ba X thuộc xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình thì D phát hiện phía sau có người truy đuổi nhưng vẫn tiếp tục bỏ chạy theo hướng đi ra QL 12C, hướng đi huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình. Đến địa phận xóm T, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, do người truy đuổi đến gần nên Bùi Bảo D dừng xe, bỏ xe ở đường và bỏ trốn lên đồi.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/3/2019, Bùi Bảo D đi bộ từ đồi thuộc xóm T, xã X, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xuống đường QL 12C. Khi đi đến cổng nhà ông Bùi Văn T thì D phát hiện thấy có một chiếc xe mô tô BKS 28N1-303.xx, nhãn hiệu Honda, loại xe Wave α màu sơn trắng của chị Bùi Thị T, là con đẻ ông Bùi Văn T để ở gầm nhà sàn, xe có cấm chìa khóa xe ở ổ khóa. D quan sát xung quanh thấy không có người trông coi, qua lại nên đã lén lút đất trộm xe mô tô nêu trên ra khỏi gầm nhà sàn, nổ máy và điều khiển đi đến thành

phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình bán cho một người không quen biết được số tiền 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng và chi tiêu cho cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ và quá trình xử lý vật chứng: Sau khi truy đuổi, anh Nguyễn Văn M đã lấy lại được chiếc xe mô tô BKS 17B7-107.xx. Đối với chiếc xe mô tô BKS 28N1-303.xx được xác định thuộc quyền sở hữu của chị Bùi Thị T hiện Cơ quan điều tra vẫn chưa truy tìm được.

Tại kết luận định giá tài sản số 14/ĐG-HĐĐG ngày 22/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 28N1-303.xx có giá trị là 14.167.000 (*Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 18/ ĐG-HĐĐG ngày 10/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lạc Sơn kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 17B7-107.xx có giá trị là 9.917.222 (*Chín triệu, chín trăm mười bảy nghìn, hai trăm hai mươi hai*) đồng.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của 02 lần trộm cắp là 24.084.222 (*Hai mươi tư triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm hai mươi hai*) đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn M đã lấy lại được xe mô tô BKS 17B7-107.xx nên không có yêu cầu bị cáo bồi thường. Chị Bùi Thị T tại giai đoạn điều tra do chưa nhận lại được tài sản là chiếc xe mô tô BKS 28N1-303.xx nên có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 18.500.000 (*Mười tám triệu, năm trăm nghìn*) đồng là số tiền chị T bỏ ra khi mua xe. Hiện bị cáo chưa bồi thường cho bị hại.

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 08/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình đã truy tố bị cáo Bùi Bảo D về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô BKS 28N1-303.xx từ Bùi Bảo D tại thành phố Hòa Bình ngày 16/3/2019 do không xác định được nhân dạng, căn cước nên không có căn cứ xử lý. Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Bùi Bảo D ngày 19/3/2019 đã được xử lý bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng phản ánh; bị cáo nhận tội, không kêu oan, chấp nhận mức bồi thường cho chị Bùi Thị T như kết quả định giá tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Bùi Thị T không có mặt tại phiên tòa nhưng tại nội dung đơn xin xét xử vắng mặt về phần trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc xe mô tô BKS 28N1-303.xx theo kết luận định giá tài sản.

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Xác định tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo; bị cáo tự thú; bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 36 tháng đến 42 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung

bằng tiền đổi với bị cáo. Về tang vật của vụ án: Không đề cập xem xét. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Bùi Thị T khoản tiền là giá trị chiếc xe mô tô BKS 28N1-303.xx theo kết quả định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lạc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo*: Ngày 16/3/2019 Bùi Bảo D đã hai lần lết lút, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản, chiếm đoạt 02 chiếc xe mô tô BKS 17B7-107.xx và BKS 28N1-303.xx có tổng trị giá là 24.084.222 (Hai mươi tư triệu, không trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm hai mươi hai) đồng. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Giá trị tài sản trộm cắp nằm trong khoảng từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nhưng trước đó bị cáo đã có tới 04 tiền án nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Bảo D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo*: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhận thức và hiểu biết pháp luật nhưng coi thường pháp luật. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động nên vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu, đã có nhiều lần bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, cần áp dụng đối với bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo*: Xét, bị cáo trong một ngày đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự thú và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm r, s

khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra, xét bị cáo là người dân tộc thiểu số và sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài lần phạm tội này, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử về một tội phạm khác theo Bản án số 34/2019/HSST, ngày 20/9/2019 (có tổng hợp hình phạt của Bản án số 16/2019/HSST, ngày 02/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình) nhưng Bản án số 34/2019/HSST chưa có hiệu lực pháp luật nên hình phạt của các bản án nêu trên chưa tổng hợp trong quyết định của bản án này.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Xét bị cáo là người có thu nhập không ổn định, không có tài sản; bị cáo sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[7] *Về tang vật của vụ án*: Tang vật của vụ án là chiếc xe mô tô BKS 17B7-107.xx của anh Nguyễn Văn M đã được anh M là chủ sở hữu hợp pháp thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc xe mô tô BKS 28N1-303.xx do chưa truy tìm được nên không có căn cứ xử lý.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại Nguyễn Văn M không có yêu cầu đối với bị cáo về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với bị hại Bùi Thị T có yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị xe mô tô theo kết luận định giá tài sản là 14.167.000 đồng. Bị cáo không có ý kiến gì về kết luận định giá tài sản. Xét đây là thiệt hại thực tế do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Bùi Thị T khoản tiền 14.167.000 (*Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng là có căn cứ và thỏa đáng.

[8] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án, bị buộc trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Bảo D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Bảo D 36 (Ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành hình phạt của bản án này.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Khoản 5 Điều 275, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 và Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Bùi Bảo D có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Bùi Thị T số tiền 14.167.000 (*Mười bốn triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng là thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra ngày 16/3/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Bùi Bảo D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 708.350 đồng án phí dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Bị cáo; Bị hại;
- Cơ quan điều tra – CA Lạc Sơn;
- Cơ quan THA hình sự - CA Lạc Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Cao Sơn